

SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ VỚI TỰ HỌC

LÊ THỊ THANH(*)



Học nhóm bên hành lang giảng đường.

Dạy cách học và học cách học để tạo thói quen, niềm say mê và khả năng học suốt đời là mục tiêu của việc dạy-học bậc đại học. Thực chất của dạy là "giúp đỡ người học tự học, tự nghiên cứu," nhiệm vụ của người dạy là giúp người học tự điều chỉnh để biến đổi mình nhằm "chiếm lĩnh những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất năng lực mới."

Giáo Sư Nguyễn Cảnh Toàn, trong Tuyển tập tác phẩm *Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu* đã trích lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách học tập "phải lấy tự học làm cốt lõi" để khẳng định hoạt động học tập là quá trình tự lao động trí óc để chiếm lĩnh kiến thức. Dạy là tạo ra những tác động nhằm gây được sự cộng hưởng từ sự nỗ lực của người học. Những nỗ lực cá nhân để tiếp thu, lý giải và ứng dụng kiến thức chính là nỗ lực tự học.

Có nhiều mức độ tự học như tự học hoàn toàn với sách hoặc qua các phương tiện truyền thông, học có hướng dẫn, học mặt đối mặt trên lớp một số giờ và về nhà tự học theo một số nội dung và bài tập theo yêu cầu của người dạy. Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi muốn trình bày một thực tế về năng lực tự học của sinh viên Khoa Ngoại ngữ thông qua việc chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tự củng cố kiến thức qua việc ôn tập và tham khảo tài liệu và khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tự học để đáp ứng các yêu cầu học tập của chương trình đào tạo.

NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ

Qua thăm dò ý kiến của sinh viên thuộc 15 lớp hệ chính quy đang học chương trình cử nhân Anh văn của Khoa Ngoại ngữ vào học kỳ II năm học 2004-2005 chúng tôi nhận được phản hồi từ 573 sinh viên. Phiếu thăm dò gồm 30 câu hỏi được thiết kế theo 5 chủ điểm nhằm tìm hiểu thông tin về người học, thông tin về tự học, phần tự đánh giá của người học về các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến tự học, sự hình thành thói quen tự học và ý nghĩa của tự học trong quá trình tự rèn luyện. Những tác nhân có ảnh hưởng tới quá trình tự học như biện pháp hỗ trợ tự học của giảng viên, cách đánh giá kết quả học tập và quá trình tự học cũng được đưa vào bảng thăm dò trong nỗ lực xác định những phương thức hỗ trợ học tập. Các câu hỏi chủ yếu được thiết kế dưới dạng câu hỏi đóng tạo sự thuận tiện cho người điền phiếu nhưng vẫn có những

(*) Tiến Sĩ, Trưởng khoa Ngoại ngữ - Đại học Mở BC TP.HCM

yêu cầu giải thích, đề nghị hoặc tự nhận xét trong từng mục để người điền phiếu có thể trình bày những suy nghĩ riêng.

Kết quả tham khảo về hiện trạng tự học có thể chia thành 2 nhóm theo nội dung về khả năng tự học và nhận thức về tự học.

1. Về nội dung tự học và khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tự học

Tuy 215/573 sinh viên trả lời khảo sát có đi làm trong thời gian đi học, số sinh viên có tự học ngoài giờ lên lớp là 554, chiếm tỉ lệ 96,7%.

Bảng 1: Thời gian dành cho tự học

Không có tự học: 19(3,3%)	Có tự học: 554(96,7%)					
	Giờ/ngày	1-3	4-6	7-8	9-10	> 10
	Số lượng	361	183	9	1	0
	Tỉ lệ	65,2%	33,0%	1,6%	0,2%	0,0%

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy có 517 sinh viên học một mình và 42 sinh viên học theo nhóm. Số sinh viên có khả năng tự giải quyết thắc mắc một mình qua tự điển hoặc các sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chiếm 58,1%. 63,4 % sinh viên trao đổi với bạn học để tìm ra cách lý giải thắc mắc trong khi chỉ có 30,1% mang các thắc mắc ấy đến lớp để hỏi thầy cô hoặc 17,1% đưa các thắc mắc ra các buổi học nhóm.

Bảng 2: Hình thức tự học và cách giải quyết vấn đề trong tự học

	Hình thức tự học		Cách giải quyết thắc mắc			
	Một mình	Nhóm	Tự tham khảo TL	Hỏi bạn	Hỏi Thầy/Cô	Thảo luận nhóm
Số lượng	517	42	322	351	167	95
Tỉ lệ	93,3%	7,6%	58,1%	63,4%	30,1%	17,1%

Đa số sinh viên dùng thời gian tự học để chuẩn bị bài cho giờ học tới hay ôn tập bài cũ hoặc làm bài tập do giảng viên yêu cầu. Tỉ lệ 25,3 % sinh viên dành thời gian tự học để đọc tài liệu tham khảo, 13,2% ghi chép thắc mắc và 41,7% học những gì họ ưa thích là những tín hiệu cho thấy sinh viên có mục tiêu học tập cá nhân, không giới hạn việc học trong nội dung chuẩn bị bài đến lớp.

Bảng 3: Nội dung tự học

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ
Chuẩn bị bài mới	368	66,4%
Ôn bài cũ	323	58,3%
Làm bài tập	384	69,3%
Đọc tài liệu tham khảo	140	25,3%
Ghi chép thắc mắc	73	13,2%
Học theo sở thích	231	41,7%

2. Về nhận thức và thái độ đối với tự học

Bảng 4 cho thấy phần lớn sinh viên nhận thức được vai trò tích cực của tự học trong việc nuôi dưỡng tình cảm sinh viên với quá trình rèn luyện: giúp sinh viên tự tin khi đến lớp (63,5%), gia tăng kiến thức (52 %), tăng thêm hứng thú trong học tập (38,8%) và làm tăng kết quả học tập (18,1%).

Bảng 4: Nhận thức về tự học

Nhận thức về tự học	Số lượng	%
Tăng lòng tự tin	352	63,5%
Tăng kiến thức	288	52,0%
Tăng hứng thú học tập	215	38,8%
Tăng điểm	100	18,1%

Dù có nhận thức tích cực về tự học, có đến 28,6% sinh viên không hài lòng về quá trình tự học trong khi chỉ có 19% cảm thấy hài lòng và rất hài lòng. 60,6% sinh viên cảm thấy tạm hài lòng về quá trình tự học của mình.

Bảng 5: Mức độ hài lòng của sinh viên về quá trình tự học

	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Tạm hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng
Số lượng	28	130	336	83	22
Tỉ lệ	5,1%	23,5%	60,6%	15,0%	4,0%

CÁC YẾU TỐ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TỰ HỌC:

Có 70 sinh viên không tham gia phân

tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình tự học cũng như không đề nghị các hướng hỗ trợ tự học. 684 ý kiến phân tích về các yếu tố ảnh hưởng đến học tập từ 503 phiếu thăm dò có thể chia làm 2 loại: các yếu tố về những nguyên nhân từ phía người học và các yếu tố hỗ trợ từ phía người dạy và nhà quản lý. Thống kê về những nhân tố mà sinh viên nêu lên ở Bảng 6 cho thấy sinh viên có khuynh hướng nhấn mạnh đến những yếu tố mang tính khách quan hơn những yếu tố chủ quan.

Yếu tố chủ quan

9,8% sinh viên trả lời rằng họ chưa tự giác trong học tập hoặc chưa tìm được phương pháp học tập thích hợp khiến việc tự học không đạt kết quả mong muốn. Yếu tố được xếp thứ hai (9,5%) là thói quen dựa dẫm vào người khác đã hình thành từ khi các em bắt đầu ngồi ghế nhà trường. Đa số cho rằng mỗi khi tự học họ không biết phải giải quyết thắc mắc như thế nào khi không có thầy cô hay bạn bè bên cạnh vì đã quen với mọi thứ điều có sẵn không cần tìm tòi suy nghĩ. Thời gian học cũng là vấn đề nan giải đối với sinh viên: 8,8% sinh viên trả lời là công việc mà họ đang làm (dù là bán thời gian) để kiếm tiền trang trải chi phí học tập đã chiếm nhiều sức lực và thời gian đầu tư cho việc học. Một yếu tố nữa cũng được sinh viên quan tâm là sự hạn chế về kiến thức (7,5%). Hạn chế này gây ra khá nhiều khó khăn trong học tập của sinh viên. Khó khăn này giải quyết chưa xong thì khó khăn khác lại nảy sinh và cứ thế làm cho họ không thể nắm bắt được vấn đề từ đó làm mất đi tinh thần học tập. Ngoài ra cũng có một số yếu tố khác ảnh hưởng đến tự học (2,8%) như thiếu khả năng tập trung, tính rụt rè, chưa có kỹ năng sắp xếp thời gian học và thiếu động lực học tập cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng của quá trình tự học.

Yếu tố khách quan

30,1% trong tổng số sinh viên được thăm dò ý kiến có đề xuất là cần được sự hỗ trợ tốt hơn về phương pháp tự học cũng như trong quá trình tự học. Yếu tố đứng hàng thứ hai (24,6%) trong các yếu tố khách quan ảnh hưởng tiêu cực đến tự học được quy cho nguồn tài liệu tham khảo và phương tiện phục vụ học tập chưa đáp ứng yêu cầu tự học. Thiếu địa

điểm tự học cá nhân và học nhóm là nguyên nhân xếp hàng thứ ba (4,2%). Ngoài ra, cũng có một số nhận định về sự quá tải của chương trình học, các khó khăn trong đời sống kinh tế, sự chi phối của môi trường, nhu cầu giao tiếp và giải trí cũng như các nhu cầu cá nhân khác cũng được đề cập như những yếu tố khách quan ảnh hưởng tiêu cực đến tự học (2,8%).

Bảng 6: Các yếu tố ảnh hưởng đến tự học của sinh viên

	Yếu tố ảnh hưởng	Số lượng	Tỉ lệ
Yếu tố chủ quan	Phương pháp học tập và ý thức tự giác	67	11,7%
	Thói quen dựa dẫm vào người khác	65	11,3%
	Thời gian học	60	10,5%
	Hạn chế kiến thức	51	8,9%
	Khả năng tập trung, tính rụt rè, kỹ năng sắp xếp thời gian học	19	3,3%
Yếu tố khách quan	Sự hỗ trợ của Thầy/Cô(hướng dẫn tự học, giải đáp thắc mắc...)	206	36,0%
	Tài liệu tham khảo và phương tiện phục vụ học tập	168	29,3%
	Nơi học tập	29	5,1%
	Yếu tố khác:quá tải về chương trình, điều kiện kinh tế, phim ảnh...	19	3,3%

HƯỚNG HỖ TRỢ TỰ HỌC

Năng lực tự học là những thuộc tính tâm lý giúp người học tự xử lý các thông tin, các vấn đề được đặt ra trong học tập nhằm biến tri thức nhân loại thành sở hữu của riêng mình một cách hiệu quả nhất. Năng lực tự học được hình thành và phát triển do có nhận thức, thái độ và phương pháp tự học tốt đồng thời phải được tác động của các "ngoại lực" như phương pháp dạy-học, hướng dẫn học tập, phương tiện học tập và các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Quá trình học ngoại ngữ là một quá trình phức tạp đòi hỏi người học phải chuẩn bị đương đầu với vô vàn tình huống vượt khỏi tầm giảng dạy của lớp học. Người dạy phải chuẩn bị cho người học một sự hiểu biết khái quát về các biến số của ngoại ngữ để trong những tình huống thực tiễn người học sẽ dựa vào những kiến thức và kỹ năng cụ thể của mình nhằm đưa ra những phán đoán thông minh và các lựa chọn đã được thông báo trước nhằm có những phản ứng ngôn ngữ hiệu quả. Quá trình hỗ trợ tự học tại Khoa Ngoại ngữ đã và đang được thực hiện bằng những cải tổ từ khâu tổ chức dạy-học, nghiệp vụ sư phạm đến hệ thống giáo

trình và cách đánh giá kết quả học tập.

Thông tin từ Bảng 6 cho thấy yếu tố hỗ trợ tự học mà nhiều sinh viên đề xuất nhất là muốn được giảng viên hướng dẫn phương pháp tự học, hướng tự học và giúp giải đáp thắc mắc. Với việc tổ chức lớp học theo quy mô nhỏ, cung cấp lịch trình giảng dạy và đề cương hướng dẫn môn học sinh viên, sử dụng giáo trình thiết kế với nhiều loại hình bài tập định hướng cho tự học và cách áp dụng hệ thống đánh giá có tính đến các nỗ lực tự học trong suốt quá trình đào tạo, Khoa Ngoại ngữ đang tích cực cải tiến những biện pháp hỗ trợ tự học. Giảng viên Khoa Ngoại ngữ coi yêu cầu chuẩn bị bài trước khi đến lớp; thuyết trình trước lớp, thực hành kỹ năng ngoại ngữ theo nhóm hoặc cá nhân trong giờ học; ôn tập và củng cố kiến thức qua các bài tập làm ở nhà là mục tiêu dạy-học. Qua thăm dò, 504/573 sinh viên phản hồi ý kiến là giảng viên có sửa bài tập cho về

nhà và theo 390/573 sinh viên, giảng viên có đánh giá nỗ lực làm bài ở nhà của sinh viên. Đó cũng là một trong những nhân tố ngoại lực phần nào thúc đẩy tự học trong giai đoạn sinh viên chưa xác định được động cơ và nội dung tự học (369/573 sinh viên trả lời thăm dò là giảng viên có tìm biện pháp khuyến khích tự học trong sinh viên như chia nhóm để chuẩn bị thuyết trình, đề xuất hướng làm tiểu luận thay cho kiểm tra cuối học kỳ).

Qua một cuộc thăm dò sơ bộ từ một bộ phận sinh viên (573/3076), bài viết này muốn trình bày một hiện trạng về năng lực tự học của sinh viên Khoa Ngoại ngữ. Năng lực ấy cần được hỗ trợ bằng nhiều biện pháp từ phía giảng viên, Khoa, và trường, kể cả nỗ lực của gia đình và đoàn thể. Các yếu tố hỗ trợ tự học cần phải được tiến hành đồng bộ từ nhiều phía, từ ý thức của sinh viên, phương pháp sư phạm của giảng viên và môi trường giáo dục của nhà trường.

Chú Thích

1. Nguyễn Cảnh Toàn, Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu (Tuyển tập tác phẩm), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trung Tâm Văn hóa Đông Tây, 2001, Tập 2, tr. 605.
2. Nguyễn Cảnh Toàn, Sdd, tr. 605.
3. Phan Thị Tố Oanh và Lê Khắc Mỹ Phượng, "Năng lực tự học của học sinh trung học phổ thông ở một số trường tại TP Hồ Chí Minh," Tạp chí Giáo dục, số 63, T.7/2003.
4. H. Douglas Brown, Principles of Language Learning and Teaching, Prentice-Hall, Inc., 1980. tr.1.

TÓM TẮT

Năng lực tự học là những kỹ năng học tập giúp người học tự xử lý các thông tin và các vấn đề trong học tập nhằm biến tri thức nhân loại thành sở hữu của riêng mình một cách hiệu quả. Năng lực tự học được hình thành và phát triển thông qua nhận thức, thái độ và phương pháp tự học. Năng lực tự học được cải tiến nhờ hướng dẫn học tập, phương tiện học tập và các hoạt động giáo dục của cộng đồng.

Summary

Self-study ability is the skill supporting learners to deal with information and problems in learning to transfer human knowledge into individual one effectively. Self-study ability is established and developed through consciousness, behavior and method of self-study. It is improved by the study guidance, learning facilities and educational activities of the community.